

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 27-01- 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quyền

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình

Bà Võ Bích Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Hoàng Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Thêm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 87/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1973; Địa chỉ: Nguyễn Văn Cừ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Giang Dục N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Nguyễn Văn Cừ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Có mặt

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn bà Thúy D trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Giang Dục N là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 02/4/2003. Từ năm 2018, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, ông N thường xuyên đi không về, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: có 02 con chung tên Giang Thanh Q1, sinh ngày 03/12/2003 và Giang Thanh Nguyệt Q2, sinh ngày 15/11/2009 hiện nay đang

sống chung với bà, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, ông N phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/cháu.

Về tài sản chung: vợ chồng có tạo lập được quyền sử dụng đất, gắn với tài sản trên đất, thửa đất số 1259, tờ bản đồ số 21, do bà và ông N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền ới đất số CH 04814, được Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 20/10/2011, có trị giá nhà đất là 900.000.000đ, khi ly hôn, bà yêu cầu chia đôi và nhận hiện vật.

- Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ, ông N trình bày:

Ông thống nhất trình bày của bà D về quan hệ hôn nhân, về con chung. Ông thống nhất thuận tình ly hôn và giao 02 con cho bà D nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/cháu.

Về tài sản chung là nhà và đất như bà D trình bày, ông yêu cầu chia theo tỷ lệ 3/7, ông 7 phần, bà Diễm 3 phần, ông đồng ý giao nhà cho bà Diễm, bà D trả giá trị cho ông. Theo ông N giá trị nhà đất hiện nay là 2.500.000.000đ. Lý do yêu cầu chia nhiều hơn là do ông có công đóng góp nhiều hơn.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 87/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thúy D với ông Giang Dục N.

- Về nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự về việc: Giao cháu Giang Thanh Q1, sinh ngày 03/12/2003 và cháu Giang Thanh Nguyệt Q2, sinh ngày 15/11/2009 cho bà Nguyễn Thị Thúy D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Giang Dục N phải cấp dưỡng nuôi con cho bà D với số tiền 1.000.000đ/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Công nhận cho bà Nguyễn Thị Thúy D quyền sử dụng đất tại thửa 1259, tờ bản đồ số 21; diện tích 60,0m², loại đất ODT và diện tích tăng thêm chưa được cấp giấy 7,2m² và quyền sở hữu căn nhà trên đất.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy D phải có trách nhiệm trả lại ½ giá trị căn nhà và đất cho ông Giảng Dục N là 1.250.000.000đ.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc chia 140.000.000đ và yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu chia 7 chỉ vàng 24k và yêu cầu nguyên đơn trả lại 02 chiếc điện thoại.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà D kháng cáo kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại giá trị nhà đất, không đồng ý mức giá trị mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định..

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và đơn kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng, cấp sơ thẩm xác định nhà, đất là tài sản chung của bà D và ông N và chia đôi là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bà D cho rằng giá trị tài sản là 1.800.000.000đ, ông N cho rằng giá trị là 2.500.000.000đ, bà D đồng ý giao nhà cho ông N. Do đó, cần giao nhà cho ông N và buộc ông N trả $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà D theo ý kiến của bà D là có lợi cho ông N. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của nguyên đơn nhận thấy:

Bà D và ông N thống nhất có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa 1259, diện tích đo đạc thực tế là 67,2m², quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, đây là tài sản của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất, nên cấp sơ thẩm chia đôi là có căn cứ, đúng pháp luật, các đương sự không kháng cáo về phần này.

Bà D kháng cáo về giá trị tài sản mà cấp sơ thẩm xác định là cao hơn giá trị thị trường hiện tại. Tại phiên tòa, ông N vẫn giữ nguyên ý kiến về giá trị tài sản như ở cấp sơ thẩm là 2.500.000.000đ, đồng ý giao tài sản cho bà D. Còn bà D xác định giá trị tài sản là 1.800.000.000đ, đồng ý giao tài sản cho ông N, ông N trả $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà là 900.000.000đ, đây là tình tiết mới phát sinh cần xem xét. Xét thấy, hiện tại tài sản ông N đang quản lý, bà D đang bị bệnh, nuôi 02 con, không có điều kiện trả giá trị cho ông N, mức giá bà D đưa ra là có lợi cho ông N, do đó cần giao tài sản cho ông N, ông N có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà D.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực thi hành, bao gồm: Về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung và cấp dưỡng, phân định chỉ,

[4] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định
- Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà D được chấp nhận nên bà D không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy D.
Sửa một phần Bản án sơ thẩm

Tuyên xử:

1. Về chia tài sản:

Xác định quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 1259 diện tích đất đo đạc thực tế 67,2m², tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại quận N, thành phố Cần Thơ là tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Giang Dục N, có trị giá 1.800.000.000đ.

Chia cho ông Giang Dục N toàn bộ tài sản trên. Ông Giang Dục N có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Thúy D ½ giá trị tài sản chung là 900.000.000đ (*chín trăm triệu đồng*).

(Căn cứ Bản trích đo địa chính số 124/TTKTTNMT ngày 27/11/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ để xác định vị trí, kích thước, diện tích đất và tài sản có trên đất của ông N được chia).

Ông N có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai và chịu các khoản phí, lệ phí có liên quan.

2. Về chi phí đo đạc, định giá: Bà Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 3.354.000đ (đã nộp và chi xong). Ông Giang Dục N phải chịu 6.000.000đ cho Công ty TNHH Thẩm định giá và đào tạo Song Pha (đã nộp và chi xong).

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 39.000.000đ án phí chia tài sản, được khấu trừ vào 13.700.000đ tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 001527 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều; bà D còn phải nộp thêm **25.600.000đ**.

Ông Giang Dục N phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng và 39.000.000đ án phí chia tài sản, được khấu trừ vào 1.100.000đ tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 001527 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều; Ông N còn phải nộp thêm **38.200.000đ**.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực thi hành, bao gồm: Về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung và cấp dưỡng, phần đình chỉ.

5. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy D không phải chịu nên được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 003155 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7 và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND-TPCT
- TAND Q.Ninh Kiều
- Các đương sự
- Chi Cục THADS Q.Ninh Kiều
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quyền

